

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-PT  
Ngày: 26 - 4 - 2022  
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương.  
Ông Phan Minh Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2022/TBTL-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1986; trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Ông Trần H1, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

4. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn L, sinh năm 1951; trú tại: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B, trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D, trình bày:*

Chị làm việc tại Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B (viết tắt là HTX) từ năm 2005 đến năm 2014; thời gian từ năm 2005 đến năm 2010 Chị là Thủ quỹ. Nguyên trong năm 2010 HTX thu tiền điện không đủ nộp cho Điện lực P, sợ bị cắt điện nên ông Trần H1 là Chủ nhiệm HTX (nhiệm kỳ 2005 - 2010) cử Chị đến nhà ông Nguyễn L (thường gọi là ông 4 Th) ở M, huyện T, tỉnh Bình Định để vay tiền nộp cho Điện lực, cụ thể:

- Ngày 31/3/2010 âm lịch vay 10.000.000 đồng;

- Ngày 25/4/2010 âm lịch vay 26.000.000 đồng.

Số tiền vay này có xác nhận của Ban Chủ nhiệm, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng nhiệm kỳ 2005 – 2010 nhưng sau đó HTX không trả tiền nên ông Nguyễn L đã làm đơn khởi kiện Chị, yêu cầu Chị trả số tiền và lãi nêu trên. Tại Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc Chị phải trả cho ông Nguyễn L số tiền đã vay là 45.572.500 đồng (trong đó: Tiền gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi là 9.572.500 đồng) và buộc Chị phải trả tiền án phí là 2.278.625 đồng.

Số tiền trên là Chị trực tiếp vay của ông Nguyễn L nhưng là vay cho HTX sử dụng chứ không phải vay cho cá nhân Chị. Do đó, Chị yêu cầu HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B phải hoàn trả lại cho Chị số tiền mà Chị trả cho ông L là 45.572.500 đồng và số tiền 2.278.625 đồng mà Chị chịu án phí theo Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

*Ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B, trình bày:*

Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B xác nhận số tiền chị Trần Thị Hồng Đ vay của ông Nguyễn L là vay cho HTX trả các khoản nợ của Ngân hàng và nộp tiền điện hàng tháng cho Điện lực P. Tuy nhiên việc nợ này không có chứng từ hợp lệ, không có bàn giao sổ sách giữa Ban Chủ nhiệm HTX cũ và mới nên đối với yêu cầu của chị Đ thì Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B, không chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quan T, trình bày:*

Ông là Kế toán Trưởng Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B từ năm 2002 đến năm 2014. Từ năm 2014 đến nay ông là Phó Chủ nhiệm, Phó Giám đốc HTX. Từ ngày 25/5/2010 trở về trước HTX quản lý điện, hàng tháng thu tiền điện hộ dân không đủ nộp cho ngành điện nên Ban Chủ nhiệm có bàn bạc đi vay của ông Nguyễn L để nộp tiền điện, bản thân ông là Kế toán Trưởng, không chấp nhận việc này vì việc vay bên ngoài không có chứng từ hợp pháp nên quyết toán không được. Nhưng Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm vẫn vay và cử chị Đ đến nhận tiền vay của ông L, qua nhiều lần như vậy nhưng bản thân ông không hề hay biết. Đến ngày bàn giao giữa Ban Chủ nhiệm HTX cũ và mới thì ông Nguyễn Văn H2 đưa ra toàn bộ chứng từ về ngày tháng và số tiền đi vay đã đánh sẵn bằng văn bản (ngày 25/5/2010), ông ký xác nhận, lúc ký thì ông có nói: Ông ký xác nhận là nhân chứng để bàn giao giữa hai Chủ nhiệm cũ và mới chứ số tiền vay nói trên ông không biết, sau này ông không chịu trách nhiệm vì ông không có theo dõi sổ sách. Đối với yêu cầu của chị Đ thì ông không chấp nhận vì lý do số tiền chị Đ đi vay 36.000.0000 đồng của ông Lích về không nhập quỹ HTX nên không có căn cứ để buộc HTX trả lại số tiền nói trên theo yêu cầu của chị Đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần H1, trình bày:*

Trong thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B nhiệm kỳ 2005 – 2010; Ban Quản trị HTX đã họp và thống nhất cho chị Trần Thị Hồng Đ vay mượn tiền để trả cho Điện lực P. Đến cuối tháng 5 năm 2010, sau khi Đại hội hết nhiệm kỳ thì ông không làm Chủ nhiệm HTX nữa, trước khi bàn giao ông có tổ chức họp Ban Quản trị HTX xác nhận số tiền nợ do chị Đ vay mượn để làm cơ sở sau này HTX thu tiền điện của dân để trả lại cho chị Đ. Hiện nay, ông không biết là HTX đã trả số tiền trên cho chị Đ hay chưa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, trình bày:*

Nhiệm kỳ Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B năm 2005 - 2010 do ông Trần H1 là Chủ nhiệm, còn Ông và ông Phạm Văn T là Phó Chủ nhiệm, chị Trần Thị Hồng Đ là Thủ quỹ. Vào khoảng tháng 3 năm 2010, ông H1 có cử chị Đ đi mượn tiền 36.000.000 đồng của ông Nguyễn L để HTX trả nợ tiền điện cho Điện lực P, nhưng sau đó ông H1 không giải quyết xong tiền chị Đ vay mượn cho HTX. Ông là Chủ nhiệm HTX, vẫn biết số tiền nêu trên là chị Đ vay giúp HTX để trả các khoản nợ chứ không phải chị Đ vay mượn để sử dụng cá nhân. Để giải

quyết số tiền còn nợ ông L, Ông đã đưa ra cuộc họp Ban Chủ nhiệm HTX nhiệm kỳ 2010 - 2015 bàn bạc giải quyết nhưng Chi bộ, Ban Chủ nhiệm HTX không đồng ý giải quyết vì không có bàn giao số tiền còn nợ ông L 36.000.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, trình bày:*

Nhiệm kỳ Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B năm 2005 - 2010: Ông Trần H1 là Chủ nhiệm, còn Ông và ông Nguyễn Văn H2 là Phó Chủ nhiệm, ông Lê Quan T là Kế toán Trưởng, chị Trần Thị Hồng Đ là Thủ quỹ. HTX quản lý điện và phải nộp cho Điện lực P 100.000.000đ/tháng, nhưng có một tháng HTX chỉ thu được khoảng 80.000.000 đồng nên còn thiếu khoảng 20.000.000 đồng. Nếu HTX không nộp đủ tiền thì Điện lực sẽ cắt điện các hộ dân. Do đó ông Trần H1 mời Ban Quản trị họp và bàn bạc sẽ đi vay của ông L 20.000.000 đồng nộp cho Điện lực. Sau đó HTX đã thu tiền của những hộ sử dụng điện và thanh toán xong cho ông L. Số tiền HTX thu được vượt quá số tiền phải thanh toán cho Điện lực nhưng ông H1 và chị Đ không nộp mà chiếm dụng đến khi ông L khởi kiện thì ông mới biết. Do đó, đối với yêu cầu nói trên của chị Đ thì ông không chấp nhận.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Đ: Buộc HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B, phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị Hồng Đ số tiền là 47.851.125 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) về khoản chị Đ trả nợ thay HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B và án phí theo Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T (trong đó: Tiền gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi là 9.572.500 đồng và án phí 2.278.625 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B về việc không chấp nhận yêu cầu đòi lại tiền của chị Trần Thị Hồng Đ, vì không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 10/01/2022 ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người

tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần H1, ông Phan Văn T và ông Nguyễn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của Hợp tác xã Nông nghiệp - Dịch vụ B, thấy rằng:

[2.1] Vào tháng 3 năm 2010, được sự chỉ đạo của Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B là ông Trần H1 (Chủ nhiệm HTX nhiệm kỳ 2005 - 2010) nên chị Trần Thị Hồng Đ1 (Thủ quỹ) vay tiền của ông Nguyễn L (thường gọi là 4 Thịnh) ở M, huyện T, tỉnh Bình Định, số tiền là 36.000.000 đồng để HTX trả nợ tiền điện cho Điện lực P. Việc chị đi vay số tiền của ông L là có xác nhận của của Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng, nhiệm kỳ 2005 – 2010, ông Trần H1 (nguyên là Chủ nhiệm HTX nhiệm kỳ 2005 - 2010) cũng xác nhận có chỉ đạo chị Đ đi vay tiền của ông Nguyễn L để sử dụng vào mục đích trả tiền điện của HTX. Sau khi vay, HTX không giao tiền cho chị Đ trả nợ ông L nên ông L khởi kiện chị Đ tại Tòa án nhân dân huyện T. Tại Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T buộc chị Đ có nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn L với số tiền là 45.572.500 đồng, trong đó tiền gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi là 9.572.500 đồng và buộc chị phải trả tiền án phí là 2.278.625 đồng. Quyết định của Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 còn nói rõ: *“Việc chị Đ nài vay ông L số tiền nêu trên cho HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B thì giữa chị với HTX Nông nghiệp – Dịch vụ B giải quyết với nhau, nếu giải quyết không được thì Tòa án giải quyết thành vụ án khác khi có đơn khởi kiện; thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 159 BLTTDS”*. Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T có hiệu lực pháp luật nhưng HTX Nông nghiệp - Dịch vụ B với chị Đ không thỏa thuận giải quyết được nên chị Đ khởi kiện yêu cầu HTX trả lại tài sản với số tiền là 47.851.125 đồng là phù hợp quy định Điều 256 Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Từ những phân tích trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại

diện theo pháp luật của Hợp tác xã Nông nghiệp - Dịch vụ B không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của HTX là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HTX phải chịu 300.000 đồng.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn HTX. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 11 Điều 9 Luật Hợp tác xã năm 2012; Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp - Dịch vụ B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Đ.

4. Buộc Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B phải hoàn trả lại cho chị Trần Thị Hồng Đ số tiền là 47.851.125 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) về khoản chị Đ trả nợ thay Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B và án phí theo Bản án số 12/2013/DSST ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện T (trong đó: Tiền gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi là 9.572.500 đồng và án phí 2.278.625 đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B phải chịu 2.392.556 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi hai ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Hồng Đ 1.196.278 đồng (một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007424 ngày 08/8/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hợp tác xã Nông nghiệp – Dịch vụ B phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007112 ngày 08/8/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006942 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Đỗ Thị Thắm**